

Bản án số: 1207/2019/HNGĐ-ST  
Ngày: 31-10-2019.  
V/v Tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Hồng Ngọc

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Phước Trinh.
2. Bà Phạm Thị Ngọc.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa:** Không có.

Trong ngày 31 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 924/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2019 về “ Tranh chấp Ly hôn ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 256/2019/QĐST-HNGĐ ngày 09/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 183/2019/QĐST-HNGĐ ngày 23/10/2019 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Lê Thị Hồng H, sinh năm: 1972. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 16 đường số 359, tổ B, ấp X, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

**2. Bị đơn:** Ông Lê Văn P, sinh năm: 1974. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 5A đường số 364, tổ 2, ấp M, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện ngày 02/4/2019 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện C, nguyên đơn bà Lê Thị Hồng H trình bày:

Bà cùng ông Lê Văn P tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1992 và đến năm 2003 đăng ký kết hôn trễ hạn vào ngày 24/7/2003, tại xã T, huyện C,

Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu cuộc sống hạnh phúc đến khi sinh con thứ 2 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do ông Phát đi làm nên cuộc sống có nhiều thay đổi không còn hạnh phúc. Năm 2016, ông P cặp bạn bè ăn chơi làm phát sinh nợ nần nên phải bán nhà trả nợ. Hiện tại bà và ông P đã ly thân và bà về nhà mẹ ruột sống cho đến nay. Nay, bà H xin ly hôn dứt khoát với ông P để đời sống được ổn định.

Về con chung có 02 trẻ tên: Lê Minh T, sinh ngày 12/6/1993 (đã trưởng thành) và Lê Thị Hồng T, sinh ngày 27/12/2003. Hiện tại bà H đang nuôi dưỡng con chung. Khi ly hôn bà H yêu cầu được nuôi dưỡng trẻ T và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà H tự nguyện chịu toàn bộ án phí.

- Bị đơn ông Lê Văn P vắng mặt.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Quan hệ tranh chấp giữa bà Lê Thị Hồng H và ông Lê Văn P là “Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình”. Bị đơn trong vụ án là ông Lê Văn P hiện cư trú tại huyện Củ Chi, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Đối với ông Lê Văn P đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Lê Văn P vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê Văn P theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Xét về quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị Hồng H và ông Lê Văn P sống chung với nhau từ 1992, có đăng ký kết hôn trễ hạn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số : 106, ngày 24/7/2003.

Bà H nêu thời gian đầu cuộc sống hạnh phúc đến năm 2016 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông P đi làm, cặp bạn bè đi chơi đồ nợ phải bán nhà của gia đình đang sống. Hiện tại bà và ông P đã ly thân và bà về nhà mẹ ruột để sinh sống. Bà H nhận thấy đời sống chung không thể kéo dài và mục

đích hôn nhân không đạt được, bà H không còn tình cảm với ông P. Nay, bà H xin ly hôn dứt khoát với ông P để đời sống được ổn định.

Xét trong quá trình giải quyết vụ án ông Lê Văn P không đến Tòa án để giải quyết và không có bất cứ tác động nào cho thấy muốn hàn gắn quan hệ gia đình với bà H. Trong quá trình thu thập chứng cứ Tòa án đã tiến hành triệu tập nhiều lần bằng cách tổng đạt cho ông Lê Văn P mục đích cho ông Lê Văn P biết sự việc trên nhưng ông Lê Văn P vẫn không đến Tòa án, không có bất cứ tác động nào cho thấy ông Lê Văn P muốn hàn gắn quan hệ gia đình với bà H nên Hội đồng xét xử xét thấy bà H xin ly hôn với ông P là yêu cầu chính đáng. Căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nghĩ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H đối với ông P là có cơ sở.

[4] Về con chung:

Xét về con chung có 02 con chung tên: Lê Minh T, sinh ngày 12-6-1993 và Lê Thị Hồng T, sinh ngày 27-12-2003. Hiện tại bà H đang nuôi dưỡng 02 con chung. Khi ly hôn bà H yêu cầu được nuôi dưỡng trẻ T và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con; riêng con chung tên T đã trưởng thành nên bà H không có yêu cầu.

Hội đồng xét xử xét thấy bà Lê Thị Hồng H đang trực tiếp chăm sóc và sống ổn định với trẻ T. Để ổn định tâm sinh lý của trẻ Lê Thị Hồng T, căn cứ Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nghĩ nên giao trẻ Lê Thị Hồng T cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là đúng, tạm ngừng cấp dưỡng nuôi con đối với ông P cho đến khi bà H có yêu cầu.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nghĩa vụ dân sự chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Luật Phí và lệ phí năm 2015 và Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Về án phí Hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo luật định bà Hạnh phải chịu toàn bộ án phí.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015 và Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Hồng H là được ly hôn với ông Lê Văn P.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 106, ngày 24/7/2003 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp bà Lê Thị Hồng H và ông Lê Văn P không còn giá trị pháp lý.

[2] Về con chung:

Giao trẻ Lê Thị Hồng T, sinh ngày 27-12-2003 cho bà Lê Thị Hồng H trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm dừng cấp dưỡng nuôi con đối với ông Lê Văn P cho đến khi bà H có yêu cầu.

Vì lợi ích của con chung, bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết một hoặc cả hai bên có thể yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định mức cấp dưỡng nuôi con.

[3] Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nghĩa vụ dân sự chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà Lê Thị Hồng H phải chịu, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: AA/2019/0022344 ngày 09/7/2019 của Chi Cục thi hành án Dân sự huyện Củ Chi. Bà H đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi Cục THADS h.Củ Chi;
- UBND xã T,
- H.C, Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Hồng Ngọc**

